



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>428.033.687.788</b>	<b>373.436.841.623</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>14.201.761.724</b>	<b>27.109.654.939</b>
1. Tiền	111		14.201.761.724	27.109.654.939
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>9.155.601.100</b>	<b>9.155.601.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.155.601.100	9.155.601.100
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>135.215.160.681</b>	<b>115.935.336.437</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		129.921.398.509	109.432.476.268
2. Trả trước cho người bán	132		3.843.012.122	5.977.520.580
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.450.750.050	525.339.589
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.4	<b>257.063.578.523</b>	<b>208.145.413.956</b>
1. Hàng tồn kho	141		257.063.578.523	208.145.413.956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.397.585.760</b>	<b>13.090.835.191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	224.515.673
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.564.348.755	11.260.242.024
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	1.298.176.421	1.053.882.827
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	535.060.584	552.194.667
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>133.241.378.218</b>	<b>132.482.657.744</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108.741.378.218</b>	<b>105.672.657.744</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	77.414.102.109	74.244.097.639
Nguyên giá	222		183.883.368.657	168.630.445.230
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.469.266.548)	(94.386.347.591)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	<b>224</b>			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	30.175.876.109	30.590.060.105
Nguyên giá	228		33.536.742.684	32.885.231.684
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.360.866.575)	(2.295.171.579)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>230</b>	V.11	1.151.400.000	838.500.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	<b>24.182.000.000</b>	<b>26.810.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.510.000.000	19.510.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.100.000.000	10.100.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(5.428.000.000)	(2.800.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>318.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	318.000.000	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>561.275.066.006</b>	<b>505.919.499.367</b>



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>152.268.236.303</b>	<b>132.883.871.127</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133.298.343.031</b>	<b>115.331.619.217</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	
2. Phải trả cho người bán	312		51.049.197.599	31.745.789.192
3. Người mua trả tiền trước	313		3.197.388.725	1.143.438.308
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.16	13.297.942.676	8.970.981.848
5. Phải trả người lao động	315		10.596.193.016	9.754.551.064
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	22.880.643.846	29.191.719.423
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.276.977.169	34.525.139.382
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.969.893.272</b>	<b>17.552.251.910</b>
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		273.782.149	224.300.522
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		16.000.000.000	16.000.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.696.111.123	1.327.951.388
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>409.006.829.703</b>	<b>373.035.628.240</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>407.789.210.303</b>	<b>371.818.008.840</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		101.159.320.000	92.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		108.706.704.458	108.706.704.458
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.160.533.158)	(8.160.533.158)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(159.408.412)	(120.868.425)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		196.193.710.882	169.243.289.432
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.049.416.533	10.049.416.533
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.217.619.400</b>	<b>1.217.619.400</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	1.217.619.400	1.217.619.400
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>561.275.066.006</b>	<b>505.919.499.367</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
- USD		19.363,73	68.694,36
- EUR		460,51	471,43

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CN. Lê Thị Thủy Hằng

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

QUẬN 11 TP. HỒ CHÍ MINH

DS. Huỳnh Thị Lan





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	283.522.429.383	264.984.315.464	1.045.360.813.765	895.359.194.415
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	118.330.024	44.690.938	606.116.965	618.294.070
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	283.404.099.359	264.939.624.526	1.044.754.696.800	894.740.900.345
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	229.461.617.617	213.739.577.892	848.524.854.090	709.645.317.890
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.942.481.742	51.200.046.634	196.229.842.710	185.095.582.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	111.540.768	5.731.657.374	5.252.420.414	8.567.854.001
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.150.842.219	1.530.263.999	3.879.093.971	7.558.774.748
Trong đó: chi phí lãi vay	23		272.622.996	0	403.183.752	0
8. Chi phí bán hàng	24		13.969.232.775	11.332.700.631	44.794.724.699	36.489.313.760
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.036.930.048	24.630.418.882	55.058.394.293	59.790.051.580
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.897.017.468	19.438.320.496	97.750.050.161	89.825.296.368
11 Thu nhập khác	31	VI.31	1.695.154.454	1.731.321.090	3.389.282.931	2.808.881.750
12 Chi phí khác	32	VI.32	213.660.466	68.722.622	215.364.405	76.616.062
13 Lợi nhuận khác	40		1.481.493.988	1.662.598.468	3.173.918.526	2.732.265.688
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.378.511.456	21.100.918.964	100.923.968.687	92.557.562.056
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.33	8.789.509.803	8.052.217.333	24.498.601.249	21.543.545.952
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.589.001.653	13.048.701.631	76.425.367.438	71.014.016.104
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.36			8.033	7.837

TP.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

CN. Lê Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CN. Lê Thị Thúy Hằng

ĐỒNG GIÁM ĐỐC



ĐS. Huỳnh Thị Lan





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: **Đồng**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		100.923.968.687	92.557.562.056
2. Điều chỉnh cho các khoản:			12.847.465.204	10.670.174.170
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.959.040.909	14.335.152.303
- Các khoản dự phòng	03		2.628.000.000	5.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.142.759.457)	(8.664.978.133)
- Chi phí lãi vay	06		403.183.752	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		113.771.433.891	103.227.736.226
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.811.090.486)	(28.768.807.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.918.164.567)	(55.288.868.738)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.384.365.176	5.076.230.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(93.484.327)	(204.540.673)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(403.183.752)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.658.493.501)	(19.919.352.729)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		90.288.028.198	61.227.560.433
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(112.820.822.921)	(67.283.307.869)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.738.587.711	(1.933.350.142)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.027.761.383)	(17.164.966.827)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		487.155.291	97.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	35.718.699.375
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			(10.120.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.655.604.166	8.567.705.406
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(3.885.001.926)	17.098.710.681
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13.551.127.410	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.551.127.410)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.761.479.000)	(18.121.698.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.761.479.000)	(18.121.698.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50		(12.907.893.215)	(2.956.337.461)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.109.654.939	30.065.992.400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.201.761.724	27.109.654.939

NGƯỜI LẬP BIỂU

CN. Lê Thị Thu Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CN. Lê Thị Thúy Hằng

TP. HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



DS. Huỳnh Thị Lan

Trang 4



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

*Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

**BẢN THUYẾT MINH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Thành lập**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0302533156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002, Số ĐKKD: 4103000833 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 11 tháng 7 năm 2008, lần thứ 5 ngày 15 tháng 9 năm 2008, lần thứ 6 ngày 17 tháng 10 năm 2009, lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2010, lần thứ 8 ngày 02 tháng 12 năm 2010, lần thứ 9 ngày 23 tháng 11 năm 2011).

Địa chỉ trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Công Ty có các chi nhánh:

*Chi nhánh tại Hà Nội: 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội*

*Chi nhánh tại Đà Nẵng: 70 Phạm Văn Nghị, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng*

*Chi nhánh tại Cần Thơ: 17A Cách Mạng Tháng Tám, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ*

**2. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.

**3. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.

**4. Ngành nghề kinh doanh** :

Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế. Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton). Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống). Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng. Cho thuê căn hộ. Sản xuất mỹ phẩm (không sản xuất hoá chất cơ bản, xà phòng, chất tẩy rửa tại trụ sở) và bán buôn mỹ phẩm. Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ máy móc, thiết bị y tế. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản, Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản). Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753). Quyền xuất nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm chức năng (thực hiện theo Quyết định 10/2007/QĐ-BKH) /.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính** : không có

**6. Tổng số nhân viên đến cuối kỳ** : 828 người

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các thông tư sửa đổi bổ sung.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Báo cáo tài chính được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 – Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

##### Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm :

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

- Phương pháp hạch toán hàng hoá tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ( TSCĐ) :

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

##### Tài sản cố định vô hình

Được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

##### Phương pháp khấu hao Tài sản cố định

Khấu hao được dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của Tài sản cố định phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính .

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm : chi phí mua sắm mới tài sản cố định.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát : nguyên tắc ghi nhận theo giá gốc.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán :

- Được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua thực tế. Tại các kỳ kế toán tiếp theo các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá mua trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các qui định hiện hành. Theo đó, Công Ty được phép trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

---

**Chi phí trả trước ngắn hạn tại công ty:** là chi phí lưu trữ của ngân hàng tế bào gốc. Chi phí này được phân bổ theo số lượng mẫu tế bào lưu trữ trong kỳ.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản Ban Tổng Giám Đốc dự phòng để chi cho các công trình nghiên cứu khoa học. Giá trị dự phòng tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh từng năm của Công ty.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.  
Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm đầu kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm 2002 và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo. (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp không phải của hoạt động chính như cho thuê văn phòng thuế suất 25%)

#### 11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 21.036 VND/USD  
27.653 VND/EUR

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và được xác định tương đối chắc chắn.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.819.716.487	5.568.868.597
Tiền gửi ngân hàng	12.382.045.237	12.540.786.342
Trong đó : + VNĐ	12.353.244.927	11.188.104.268
+ USD	28.800.310	1.352.682.074
Các khoản tiền tương đương		9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>14.201.761.724</b></u>	<u><b>27.109.654.939</b></u>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
- Công ty CP Dược Phẩm Trung Ương VIDIPHAR	144.000	3.800.000.000	120.000	3.800.000.000
- Công ty CP Bao Bì Dược	329.500	5.152.500.000	329.500	5.152.500.000
- Công ty CP Dược Phẩm OPC ( Mã CK: OPC)	10.230	203.101.100	6.820	203.101.100
<b>Cộng</b>	<u><b>483.730</b></u>	<u><b>9.155.601.100</b></u>	<u><b>456.320</b></u>	<u><b>9.155.601.100</b></u>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BH Y Tế , BH Xã Hội , Kinh phí Công Đoàn	184.169.556	109.837.760
- Chi phí thẩm định khu đất Ngõ thời nhiệm	270.682.283	270.682.283
- Thu Khác	995.898.211	144.819.546
<b>Cộng</b>	<u><b>1.450.750.050</b></u>	<u><b>525.339.589</b></u>

**4. Hàng Tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	150.431.810.969	132.231.868.784
Công cụ, dụng cụ	967.793.248	819.021.954
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.555.795.726	29.368.717.963
Thành phẩm	71.863.399.040	45.702.288.136
Hàng hoá	244.779.540	23.517.119
<b>Cộng</b>	<u><b>257.063.578.523</b></u>	<u><b>208.145.413.956</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT còn được khấu trừ	10.564.348.755	11.260.242.024
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.298.176.421	1.053.882.827
<b>Cộng</b>	<b><u>11.862.525.176</u></b>	<b><u>12.314.124.851</u></b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	119.254.984	552.194.667
Ký quỹ ngắn hạn	391.269.600	
Chi sự nghiệp năm nay	24.536.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>535.060.584</u></b>	<b><u>552.194.667</u></b>

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà xưởng, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>Tổng Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	44.065.726.046	78.333.982.799	8.740.847.723	37.489.888.662	168.630.445.230
Tăng trong kỳ	383.368.252	13.853.820.251	1.102.653.600	2.723.508.280	18.063.350.383
. Mua trong năm		13.853.820.251	1.102.653.600	2.723.508.280	17.679.982.131
. Đầu tư XD CB hoàn thành	383.368.252				383.368.252
Giảm trong kỳ		509.928.384	1.239.413.180	1.061.085.392	2.810.426.956
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>44.449.094.298</u></b>	<b><u>91.677.874.666</u></b>	<b><u>8.604.088.143</u></b>	<b><u>39.152.311.550</u></b>	<b><u>183.883.368.657</u></b>
. Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.756.451.952	33.286.380.110	4.242.179.628	11.338.206.342	50.623.218.032
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	16.378.168.826	54.041.435.110	5.253.445.290	18.713.298.365	94.386.347.591
Khấu hao trong kỳ	2.261.536.927	7.865.311.930	829.983.844	3.936.513.212	14.893.345.913
Giảm trong kỳ		509.928.384	1.239.413.180	1.061.085.392	2.810.426.956
. Thanh lý nhượng bán		509.928.384	1.239.413.180	1.061.085.392	2.810.426.956
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>18.639.705.753</u></b>	<b><u>61.396.818.656</u></b>	<b><u>4.844.015.954</u></b>	<b><u>21.588.726.185</u></b>	<b><u>106.469.266.548</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	27.687.557.220	24.292.547.689	3.487.402.433	18.776.590.297	74.244.097.639
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>25.809.388.545</u></b>	<b><u>30.281.056.010</u></b>	<b><u>3.760.072.189</u></b>	<b><u>17.563.585.365</u></b>	<b><u>77.414.102.109</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****8. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Bảng quyền, bằng sáng chế		Tổng Cộng
	Quyền sử dụng đất		
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	31.273.231.684	1.612.000.000	32.885.231.684
Tăng trong kỳ	-	651.511.000	651.511.000
Số dư cuối kỳ	31.273.231.684	2.263.511.000	33.536.742.684
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư đầu năm	1.220.504.907	1.074.666.672	2.295.171.579
Khấu hao trong kỳ	528.361.668	537.333.328	1.065.694.996
Số dư cuối kỳ	1.748.866.575	1.612.000.000	3.360.866.575
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	30.052.726.777	537.333.328	30.590.060.105
Số dư cuối kỳ	29.524.365.109	651.511.000	30.175.876.109

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phần mềm kế toán dở dang	1.151.400.000	838.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.151.400.000</b>	<b>838.500.000</b>

**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ CP sở hữu %	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết, dài hạn khác			
+ Công ty TNHH bệnh viện TN Đa khoa An sinh	22%	18.510.000.000	18.510.000.000
+ Công ty CP Dược Phẩm Mekong	22%	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Quỹ Đầu tư Chứng khoán VN Tiger Fund	2%	10.100.000.000	10.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(5.428.000.000)	(2.800.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>24.182.000.000</b>	<b>26.810.000.000</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	569.365.050	325.071.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.292.458.024	8.452.350.276
Thuế thu nhập cá nhân	343.879.584	178.604.700
Thuế nhập khẩu	92.240.018	14.955.416
<b>Cộng</b>	<b>13.297.942.676</b>	<b>8.970.981.848</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BH Y Tế, BH Xã Hội, Kinh phí Công Đoàn	404.121.032	552.805.117
- Kinh Phí để tài Mekostem	177.595.069	247.046.269
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	14.950.171.500	20.794.698.000
- Hội đồng Quản trị	267.000.000	520.000.000
- Phải trả khác	7.081.756.245	7.077.170.037
<b>Cộng</b>	<b><u>22.880.643.846</u></b>	<b><u>29.191.719.423</u></b>

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	15.815.289.139	7.616.276.744	(10.099.771.400)	13.331.794.483
Quỹ phúc lợi	18.709.850.243	8.062.039.744	(7.826.707.301)	18.945.182.686
<b>Cộng</b>	<b><u>34.525.139.382</u></b>	<b><u>15.678.316.488</u></b>	<b><u>(17.926.478.701)</u></b>	<b><u>32.276.977.169</u></b>

**14. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước từ lãi sau thuế dự phòng các dự án nghiên cứu khoa học.	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>	<b><u>16.000.000.000</u></b>

**15. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :**

Thông tin về biến động của chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước (29%)	29.403.000.000	26.730.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác (71%)	71.756.320.000	65.370.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	108.706.704.458	108.706.704.458
- Cổ phiếu quỹ	(8.160.533.158)	(8.160.533.158)
<b>Cộng</b>	<b><u>201.705.491.300</u></b>	<b><u>192.646.171.300</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký pháp hành	10.115.932	9.210.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.115.932	9.210.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	149.151	149.151
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.966.781	9.060.849
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	720.336.948.767	639.143.857.178
- Doanh thu dịch vụ ngân hàng tề bào gốc	9.372.737.115	5.798.348.886
- Doanh thu bán hàng hoá	295.054.725.560	219.537.374.883
- Doanh thu bán vật tư	18.245.493.231	28.599.613.468
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.350.909.092	2.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.045.360.813.765</u></b>	<b><u>895.359.194.415</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu :**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Hàng bán trả lại	606.116.965	618.294.070
- Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>606.116.965</u></b>	<b><u>618.294.070</u></b>

**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	719.730.831.802	638.539.577.610
- Doanh thu dịch vụ ngân hàng tề bào gốc	9.372.737.115	5.798.348.886
- Doanh thu bán hàng hoá	295.054.725.560	219.523.360.381
- Doanh thu bán vật tư	18.245.493.231	28.599.613.468
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.350.909.092	2.280.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.044.754.696.800</u></b>	<b><u>894.740.900.345</u></b>

**4. Giá vốn hàng bán :**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn thành phẩm bán ra	534.874.084.535	466.600.915.900
- Giá vốn dịch vụ ngân hàng tề bào gốc	3.633.983.455	1.043.174.660
- Giá vốn hàng hoá bán ra	293.243.929.110	217.023.843.833
- Giá vốn vật tư, dịch vụ đã cung cấp	16.772.856.990	24.977.383.497
<b>Cộng</b>	<b><u>848.524.854.090</u></b>	<b><u>709.645.317.890</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. Doanh thu hoạt động tài chính :**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	4.954.544.500	6.863.023.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	-	
- Thu khác	-	148.595
- Lãi tiền gửi ngân hàng	297.875.914	1.704.681.806
<b>Cộng</b>	<b>5.252.420.414</b>	<b>8.567.854.001</b>

**6. Chi phí tài chính :**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Phí rút tiết kiệm trước hạn	61.071.583	-
- Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	2.628.000.000	
- Chênh lệch tỷ giá	1.190.022.388	7.558.774.748
<b>Cộng</b>	<b>3.879.093.971</b>	<b>7.558.774.748</b>

**7. Thu nhập khác :**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Bán tài sản cố định	487.155.291	97.272.727
- Thu nhập khác	2.902.127.640	2.711.609.023
<b>Cộng</b>	<b>3.389.282.931</b>	<b>2.808.881.750</b>

**8. Chi phí khác :**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí khác	215.364.405	76.616.062
<b>Cộng</b>	<b>215.364.405</b>	<b>76.616.062</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	529.738.235.430	416.027.630.653
- Chi phí nhân công	68.400.531.175	61.282.564.312
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.959.040.909	14.335.152.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.562.829.385	10.177.494.767
- Chi phí khác	18.397.237.650	14.658.765.325
<b>Cộng</b>	<b>645.057.874.549</b>	<b>516.481.607.360</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR**

*Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

---

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:**

Ngày 08 tháng 08 năm 2011, Công Ty Cổ Phần Hóa - Dược Phẩm Mekophar phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 và ngày 14/09/2011 niên yết bổ sung 905.932 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Kế toán trưởng**

*CN. Lê Thị Thủy Hằng*

**Tổng Giám đốc**

*DS. Huỳnh Thị Lan*



**Công ty cổ phần Hóa - Dược Phẩm MEKOPHAR**

Địa chỉ: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp HCM.

Điện thoại: [08] 3 8650258 - 3 8650363 Fax: [08] 3 8650394

Email: info@mekophar.com - website: www.mekophar.com

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính : Đồng

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>92.100.000.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(8.160.533.158)</b>	<b>140.030.623.548</b>	<b>10.049.416.533</b>	<b>171.071.590</b>		<b>342.897.282.971</b>
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ							71.014.016.104	71.014.016.104
- Hoàn nhập lại chênh lệch ngoại tệ cuối năm trước						(171.071.590)		(171.071.590)
- Đàng giá lại ngoại tệ cuối kỳ						(120.868.425)		(120.868.425)
- Trích khen thưởng HĐQT năm 2010 (3% lãi vượt kế hoạch)							(520.000.000)	(520.000.000)
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2010				29.212.665.884			(29.212.665.884)	-
- Cổ tức trả cổ đông năm							(27.182.547.000)	(27.182.547.000)
- Trích quỹ KT & PL từ lãi 2010							(14.098.803.220)	(14.098.803.220)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>92.100.000.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(8.160.533.158)</b>	<b>169.243.289.432</b>	<b>10.049.416.533</b>	<b>(120.868.425)</b>	<b>-</b>	<b>371.818.008.840</b>
- Số dư đầu năm nay	92.100.000.000	108.706.704.458	(8.160.533.158)	169.243.289.432	10.049.416.533	(120.868.425)	-	371.818.008.840
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ							76.425.367.438	76.425.367.438
- Tăng vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển	9.059.320.000			(9.059.320.000)				-
- Hoàn nhập lại chênh lệch ngoại tệ cuối năm trước						120.868.425		120.868.425
- Đàng giá lại ngoại tệ cuối kỳ						(159.408.412)		(159.408.412)
- Trích khen thưởng HĐQT năm 2011							(267.000.000)	(267.000.000)
- Tăng quỹ từ lãi năm 2011				36.009.741.450			(36.009.741.450)	-
- Cổ tức trả cổ đông năm 2011							(24.916.952.500)	(24.916.952.500)
- Trích quỹ KT & PL 20% từ lãi 2011							(15.231.673.488)	(15.231.673.488)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>101.159.320.000</b>	<b>108.706.704.458</b>	<b>(8.160.533.158)</b>	<b>196.193.710.882</b>	<b>10.049.416.533</b>	<b>(159.408.412)</b>	<b>-</b>	<b>407.789.210.303</b>



Bản thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính.